

Bản án số: **02/2025/KDTM-PT**

Ngày 04-3-2025

“*V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Ứng.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hải Âu và ông Dương Hà Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2024/TLPT-KDTM, ngày 04-11-2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST, ngày 18-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2024/QĐ-PT, ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV TMSX VL.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Huỳnh Văn L; chức vụ: Giám đốc. Trụ sở: Tổ A, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh C, theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021; địa chỉ: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị vắng mặt.

**Bị đơn: Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ;**

*Người đại diện:* Ông Nguyễn Xuân Đ; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**- Bà Trần Thị V;** địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

**- Ông Hoàng Vũ S và ông Lê Hữu C;** địa chỉ cuối cùng: Công ty TNHH MTV TMSX VL - Tổ A, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân Đ, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-01-2021 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Năm 2015, Công ty TNHH MTV TMSX VL (viết tắt là Công ty VL) ký hợp đồng bán phân bón cho ông Nguyễn Xuân Đ. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015 thể hiện tính đến ngày 07-10-2015, ông Đ còn nợ Công ty tổng số tiền 127.900.000 đồng, có chữ ký xác nhận nợ của ông Đ. Mặc dù Công ty đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng ông Đ không trả. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải thanh toán cho Công ty số tiền nợ gốc là 127.900.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

**Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ trình bày:** Ông Đ thừa nhận có nhận phân bón của ông Hoàng Vũ S và ông Lê Hữu C, ông không biết về Công ty VL và không ký hợp đồng mua bán với Công ty VL nhưng khi giao phân bón và nhận tiền thì ông S và ông C có ghi là đại diện Công ty VL. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty VL vì trong bản đối chiếu công nợ ông chỉ ghi “*tạm tính chưa chính xác*”. Sau khi xác nhận nợ, ông S và ông C đã nhận lại một số phân bón và tiền của ông, cụ thể: Ông C nhận lại 40 bao phân và số tiền 34.000.000 đồng; ngày 12-01-2017 ông S đại diện Công ty nhận lại 76 bao phân Nutrimat với giá 14.000.000 đồng/tấn; ngày 22-8-2015 ông C ứng 10.000.000 đồng, còn nợ 25.000.000 đồng; ngày 03-02-2016 ông S thu 26.000.000 đồng. Ông đề nghị Công ty VL đối chiếu, khấu trừ số tiền này, còn lại nợ bao nhiêu ông sẽ trả theo quy định của pháp luật.

**Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Trần Thị V: Bà là vợ của ông Đ và đồng ý với nội dung trình bày của ông Đ. Quá trình giao dịch bà là người đăng ký đại diện hộ kinh doanh, năm 2015 bà làm đơn chấm dứt việc kinh doanh. Khi ông S và ông C đến giao dịch phân bón thì không nói là làm việc cho công ty nào. Khi Công ty VL đến xác nhận nợ do bà không có ở nhà nên ông Đ ký thay, sau đó bà yêu cầu nhiều lần nhưng Công ty VL không đến để xác nhận nợ. Công ty VL kiện ông Đ là không đúng vì ông Đ không đăng ký kinh doanh.

- Đối với ông Hoàng Vũ S và ông Lê Hữu C: Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S và ông C đều vắng mặt nên không thu thập được lời khai.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST, ngày 18-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, các điều 170, 171, 173, 177, 179, 273, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 24, 34, 35, 37, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TMSX VL, buộc người đại diện hộ kinh doanh ông Nguyễn Xuân Đ phải trả cho Công ty VL

tổng số tiền là 88.8283.000 đồng, trong đó tiền gốc là 48.700.000 đồng, tiền lãi là 40.128.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty VL về việc buộc ông Nguyễn Xuân Đ phải trả số tiền gốc 79.200.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30-8-2024, bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền và phân bổ bị đơn đã trả cho ông Lê Hữu C; áp dụng thời hiệu khởi kiện và không tính lãi đối với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ với Công ty VL.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:** Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 48.700.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 79.200.000 đồng và tiền lãi 40.128.000 đồng; bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Theo kết quả xác minh ngày 30-3-2023 tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đ, Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 07-3-2006 cho đến nay chưa có thông báo chấm dứt việc kinh doanh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và bị đơn là Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015, được ông Đ thừa nhận chữ ký của ông Đ, lời khai của ông Đ trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, có căn cứ xác định Công ty VL có bán phân bón cho Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ, tính đến ngày 07-10-2015, ông Đ còn nợ Công ty tổng số tiền là 127.900.000 đồng.

[2.2]. Đối với việc ông Nguyễn Xuân Đ cho rằng sau khi xác nhận nợ ngày 07-10-2015 thì ông Hoàng Vũ S và Lê Hữu C (là nhân viên của Công ty VL) đã nhận lại một số phân bón và tiền nên ông Đ yêu cầu khấu trừ vào số tiền 127.900.000 đồng, chứng cứ là các giấy xác nhận giữa ông S và C với ông Đ (các bút lục số 68 – 72, 256, 257), cụ thể: Ông C nhận lại 40 bao phân và số tiền 34.000.000 đồng; ngày 12-01-2017 ông S đại diện Công ty nhận lại 76 bao phân Nutrimat với giá 14.000.000 đồng/tấn; ngày 22-8-2015 ông C ứng 10.000.000 đồng, còn nợ 25.000.000 đồng; ngày 03-02-2016 ông S thu 26.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Công ty VL cung cấp hợp đồng lao động giữa ông S, ông C với Công ty, tuy nhiên Công ty xác định ông S là nhân viên của Công ty nhưng đã nghỉ việc và Công ty đã hủy hợp đồng lao động với ông S; đối với ông C không phải là nhân viên của Công ty, Công ty không biết ông C là ai và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký tại các giấy xác nhận do bị đơn cung cấp.

Như vậy, mặc dù Công ty VL cho rằng ông Hoàng Vũ S không giao lại số tiền nêu trên cho Công ty nhưng Công ty thừa nhận ông S là nhân viên thị trường của Công ty, phụ trách địa bàn xã Đ, từ những lần giao dịch giữa ông S với Đại lý của ông Đ mới dẫn đến việc đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015 với tổng số tiền nợ là 127.900.000 đồng, đồng thời Công ty không cung cấp tài liệu về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông S là thời điểm nào để Tòa án có căn cứ đối chiếu, các bên cũng không cung cấp được địa chỉ của ông S nhưng ông S ký xác nhận sau khi đối chiếu công nợ và ông S ghi nội dung là đại diện Công ty VL. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận khấu trừ số tiền ông S đã nhận vào số nợ của ông Nguyễn Xuân Đ; cụ thể: tiền mặt là 26.000.000 đồng, phân bón là 76 bao loại phân NuTriMax = 53.200.000 đồng, tổng cộng 79.200.000 đồng là có căn cứ.

Đối với các chứng cứ do bị đơn cung cấp thể hiện ông Lê Hữu C có nhận của ông Nguyễn Xuân Đ 46 bao phân + một số tiền và ông Đ trả cho Lê Hữu C số tiền 116.500.000 đồng: Công ty VL xác định ông C không phải là nhân viên của Công ty, Công ty không biết ông C là ai và ông Đại cũng không cung cấp được bất kỳ thông tin gì của ông C nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khấu trừ số phân bón và tiền nêu trên vào tổng số tiền tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015 và tuyên ông Đ có quyền khởi kiện ông Lê Hữu C bằng vụ án dân sự khác là có căn cứ.

Ông Nguyễn Xuân Đ thừa nhận có kinh doanh phân bón, có mua phân bón của Công ty VL (*thông qua ông S và ông C*) để bán lại kiếm lời. Ông Đ cũng thừa nhận chữ ký của mình tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều 24, 34, 35, 37, 50 và 55 của Luật Thương mại năm 2005; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền do vi phạm nghĩa vụ thanh toán

theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015 (sau khi trừ đi số tiền ông S – nhân viên của Công ty VL đã nhận) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về việc bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, cụ thể Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ phải chịu tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến ngày 19/8/2024 là: 48.700.000 đồng x 0,8%/tháng x 103 tháng 18 ngày = 40.128.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án, các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu, bị đơn chỉ yêu cầu áp dụng thời hiệu sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 20-7-2023 (*sau đó bản án sơ thẩm bị hủy để xét xử lại*) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu tiền lãi như trên là có căn cứ.

[2.3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song; tuy nhiên bản án sơ thẩm viện dẫn điều luật chưa chính xác, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là chưa phù hợp, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2024/KDTM-ST, ngày 18-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, các điều 170, 171, 173, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 24, 34, 35, 37, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005; điểm b khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TMSX VL, buộc người đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ phải trả cho Công ty TNHH MTV TMSX VL tổng số tiền là 88.8283.000 đồng, trong đó tiền gốc là 48.700.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19/8/2024 là 40.128.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TMSX VL về việc buộc ông Nguyễn Xuân Đ phải trả số tiền gốc 79.200.000 đồng.

3. Về án phí: Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn Xuân Đ đã nộp theo biên lai số 00004278, ngày 19/9/2024 và số tiền 1.700.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà Trần Thị V đã nộp thay theo biên lai số 00004377, ngày 29/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; THCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

*(đã ký, đóng dấu)*

**Nguyễn Anh Ứng**